VŨ QUANG TUYÊN (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN HỮU TÂM (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ HÀ LIÊN – LÊ PHƯƠNG TRÍ

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

1

SÁCH GIÁO VIÊN

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

CÁC TỪ VIẾT TẮT

HĐTN	:	Hoạt động trải nghiệm
HS	:	học sinh
GV	:	giáo viên
SHDC	:	sinh hoạt dưới cờ
SHCĐ	:	sinh hoạt theo chủ đề
SHL	:	sinh hoạt lớp
CLB	:	câu lạc bộ
PH	:	phụ huynh
TNTP	:	Thiếu niên Tiền phong
QT	:	quản trò
NC	:	người chơi
tr.	:	trang

LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo viên Hoạt động trải nghiệm 1 (bộ Chân trời sáng tạo*) là tài liệu hỗ trợ giáo viên trong quá trình thực hiện tổ chức dạy học môn Hoạt động trải nghiệm 1 trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Trên tinh thần chia sẻ, trao đổi và gợi ý, Sách giáo viên Hoạt động trải nghiệm 1 mong muốn mang đến những kiến giải, những gợi ý cho các thầy, cô giáo trong việc tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh, giúp các em phát hiện, bồi dưỡng, phát triển các phẩm chất quan trọng và năng lực cần thiết trong học tập, cuộc sống, đồng thời có được niềm hứng khởi, động lực tích cực trong học tập.*

Sách giáo viên Hoạt động trải nghiệm 1 được xây dựng trên nền tảng quan điểm và triết lí giáo dục: Người học là chủ thể trong các hoạt động giáo dục; Giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực; Hiện đại – Khoa học – Hội nhập – Nhất quán. Cùng với các triết lí đó là việc vận dụng những mô hình, lí thuyết giáo dục khoa học, hiện đại trên thế giới như: Lí thuyết học qua trải nghiệm của D.Kolb; Chu trình học tập 5E của nhóm Biological Sciences Curriculum Study; Lí thuyết chọn lựa của W. Glasser; "Nếp nghĩ phát triển" của C. Dweck,… Các lí thuyết này được kết hợp nhuần nhuyễn với những giá trị cốt lõi của giáo dục truyền thống để các em học sinh có sự phát triển toàn diện nhất.

Đối tượng sử dụng của cuốn sách là giáo viên – người hướng dẫn, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, phụ trách chủ nhiệm lớp, phụ huynh và những người quan tâm. Nhưng trọng tâm, chủ thể mà cuốn sách hướng tới chính là học sinh với mục đích giúp các em nhận thức bản thân, phát hiện và đánh thức tiềm năng, hình thành các giá trị và năng lực cần thiết cho bản thân trong hiện tại và tương lai, để trở thành những "công dân toàn cầu".

Sách giáo viên Hoạt động trải nghiệm 1 có ba phần: Phần một giới thiệu những vấn đề có tính nền tảng cho hoạt động trải nghiệm nói riêng và hoạt động giáo dục nói chung; Phần hai trình bày Hoạt động trải nghiệm theo chủ đề, mỗi chủ đề được tổ chức theo tuần gồm sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt chủ đề và sinh hoạt lớp; Phần ba giới thiệu riêng và mở rộng hơn về sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, sinh hoạt câu lạc bộ và sinh hoạt dã ngoại. Ngoài ra, sách còn có các phần Phụ lục với các tri thức chuyên sâu, các kĩ thuật, phương pháp, hướng dẫn thực hành,... Cuốn sách cung cấp nhiều hướng dẫn và gợi ý đa dạng, nhà trường và giáo viên có thể tham khảo và linh động tổ chức theo điều kiện thực tế dạy học sao cho bảo đảm mục tiêu chương trình.

Dù đã rất cố gắng, song cuốn sách vẫn cần được hoàn thiện hơn nữa. Chúng tôi trân trọng đón nhận các góp ý của các cơ sở giáo dục, quý thầy, cô giáo, quý phụ huynh và bạn đọc.

NHÓM TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu 3

Mục lục 4

Phần một. **NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 5**

1. Hoạt động trải nghiệm trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 5

2. Tổ chức hoạt động trải nghiệm 6

3. Ma trận nội dung hoạt động trải nghiệm lớp 1 14

Phần hai. **HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM THEO CHỦ ĐỀ 17**

Chủ đề 1. Em và những người bạn 17

Chủ đề 2. Một ngày của em 28

Chủ đề 3. Trường lớp thân yêu 43

Chủ đề 4. Em tự chăm sóc và phục vụ bản thân 58

Chủ đề 5. Gia đình yêu thương 68

Chủ đề 6. Cảm xúc của em 78

Chủ đề 7. Em và những người xung quanh 89

Chủ đề 8. Quê hương của em 103

Phần ba. **HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TRONG SINH HOẠT DƯỚI CỜ, SINH HOẠT LỚP VÀ CÂU LẠC BỘ 115**

I. Hoạt động trải nghiệm trong sinh hoạt dưới cờ 115

II. Hoạt động trải nghiệm trong sinh hoạt lớp 119

III. Hoạt động trải nghiệm trong sinh hoạt câu lạc bộ 125

VI. Hoạt động trải nghiệm trong sinh hoạt dã ngoại 126

Phụ lục 129

Tài liệu tham khảo 151

Phần một
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

1. Hoạt động trải nghiệm trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018

1.1. Đặc điểm và mục tiêu của hoạt động trải nghiệm

– *Đặc điểm:* HĐTN là hoạt động giáo dục bắt buộc trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, được định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện theo cách học qua trải nghiệm. Qua các HĐTN, HS có thể phát triển các phẩm chất căn bản và các năng lực cần thiết cho bản thân để tương quan với xã hội, môi trường thiên nhiên và với nghề nghiệp tương lai.

Các phẩm chất căn bản là yêu con người, yêu đất nước, trung thực, trách nhiệm và chăm chỉ. Các nhóm năng lực cần thiết là năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp.

– *Mục tiêu:* HĐTN nhằm giúp HS biết khám phá thế giới bản thân và thế giới xung quanh; phát triển đời sống tâm hồn; biết trân quý chính mình, con người và thiên nhiên; hình thành lối sống đúng đắn; có tình yêu quê hương, đất nước; ý thức về nguồn cội và bản sắc dân tộc, biết chung tay giữ gìn và phát triển những nét đẹp của con người Việt Nam trong một thế giới hội nhập.

Một cách cụ thể hơn, với HS lớp 1, HĐTN giúp HS bước đầu biết khám phá, nhận thức và yêu quý bản thân; nhận ra và thể hiện được những cảm xúc cơ bản cùng những hành vi yêu thương một cách thích hợp; hình thành được những thói quen tích cực trong cuộc sống hằng ngày; nhận biết và thực hiện trách nhiệm cũng như cách ứng xử, giao tiếp đúng mực của một thành viên trong gia đình, trường lớp, trong cộng đồng và môi trường thiên nhiên; biết tự đánh giá một cách trung thực và tự điều chỉnh mình; tập làm việc nhóm hiệu quả, biết cách giải quyết vấn đề; nhìn ra những hành động an toàn/không an toàn và học cách tự bảo vệ bản thân.

1.2. Phương thức tổ chức, loại hình và nội dung hoạt động

– Một số phương thức tổ chức chủ yếu cho HĐTN:

a. Phương thức khám phá: trải nghiệm thế giới tự nhiên, thực tế cuộc sống và công việc; khám phá những điều mới lạ, vấn đề từ môi trường xung quanh. Nhóm phương thức này bao gồm các hoạt động tham quan, cắm trại, thực địa, dã ngoại,...

b. Phương thức thể nghiệm, tương tác: giao lưu, tác nghiệp và thể nghiệm ý tưởng như diễn đàn, đóng kịch, hội thảo, hội thi, trò chơi,...

c. Phương thức cống hiến: đóng góp và cống hiến qua các hoạt động tình nguyện nhân đạo, lao động công ích, tuyên truyền,...

d. Phương thức nghiên cứu: tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học để đề xuất những biện pháp giải quyết vấn đề một cách khoa học. Nhóm hình thức tổ chức này bao gồm các hoạt động khảo sát, điều tra, làm dự án nghiên cứu, sáng tạo công nghệ, nghệ thuật,...

– Loại hình hoạt động:

HĐTN có bốn loại hình hoạt động chủ yếu là SHDC, SHCĐ, SHL, CLB. Các hoạt động này có thể có sự phối hợp liên kết của nhiều nguồn lực: GV, cán bộ tư vấn tâm lí học đường, cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh, cán bộ quản lí nhà trường, PHHS, các tổ chức, cá nhân trong xã hội.

HĐTN có thể được tổ chức trong và ngoài trường, lớp.

– HĐTN lớp 1 có nội dung hoạt động với thời lượng phân bố như sau:

Nội dung hoạt động	Hoạt động	Thời lượng (105 tiết)
Hoạt động hướng vào bản thân	- Khám phá bản thân - Rèn luyện bản thân	60%
Hoạt động hướng đến xã hội	- Chăm sóc gia đình - Xây dựng trường lớp - Xây dựng cộng đồng	25%
Hoạt động hướng đến tự nhiên	- Tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên - Tìm hiểu và bảo vệ môi trường	15%

Thời lượng 105 tiết đã bao gồm 35 tiết SHDC và 35 tiết SHL. Như vậy còn 35 tiết cho SHCĐ và hoạt động CLB. Dĩ nhiên, những trường học hai buổi có thể bố trí thêm thời gian cho SHCĐ và hoạt động CLB.

2. Tổ chức hoạt động trải nghiệm

2.1. Hoạt động trải nghiệm theo chu trình Kolb

David A. Kolb (trong các tài liệu công bố năm 1984; 2014) đã xây dựng lí thuyết học qua trải nghiệm dựa vào các công trình trước đó của John Dewey, Kurt Levin, Jean Piaget, William James, Vygotsky,… Theo lí thuyết này, học qua trải nghiệm dựa trên chu trình học tập gồm bốn giai đoạn:

Giai đoạn 1 – **Kinh nghiệm cụ thể**: tiếp cận và thể nghiệm thực tế (đang diễn ra), khai thác kinh nghiệm đã có.

Giai đoạn 2 – **Quan sát chiêm nghiệm**: quan sát (bằng năm giác quan) kĩ lưỡng, xem xét thấu đáo với sự chiêm nghiệm, ngẫm nghĩ về những kinh nghiệm đã và đang có, đặt câu hỏi, thảo luận.

Giai đoạn 3 – **Khái niệm hoá** (trừu tượng): vận dụng, tổng hợp những kiến thức, kĩ năng (của các môn học) để hiểu, giải thích, tìm những mối liên hệ, so sánh, đưa ý tưởng, khái niệm, định nghĩa; chuyển hoá những kinh nghiệm cũ và mới thành hiểu biết mới, kĩ năng mới.

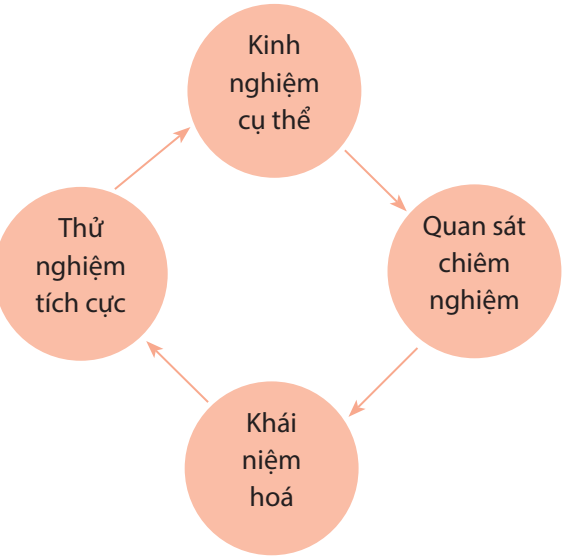

Sơ đồ chu trình Kolb

Giai đoạn 4 – **Thử nghiệm tích cực**: thực hành, vận dụng vào thực tế; tiên đoán điều có thể sẽ xảy ra.

Có thể diễn tả chu trình học qua trải nghiệm này một cách ngắn gọn hơn: Từ **kinh nghiệm**, qua **chiêm nghiệm** (ngẫm nghĩ) rồi **khái niệm hoá** và **vận dụng** (vào thực tế). Kolb (2014) đã tiếp tục phác hoạ quá trình học tập này như một chu trình học lí tưởng, trong đó người học chạm đến tất cả (bốn) cơ sở nền – **kinh nghiệm** (experiencing), **chiêm nghiệm** (reflecting), **tư duy** (thinking) và **hành động** (acting).

Như vậy, dựa theo lí thuyết học qua trải nghiệm của Kolb, việc học qua trải nghiệm (hoạt động trải nghiệm) sẽ hiệu quả hơn vì đây là trải nghiệm được định hướng, chứ không phải tự phát, không được dẫn dắt.

2.2. Đặc điểm của cấu trúc chủ đề

Nội dung hoạt động của mỗi chủ đề được xây dựng theo nguyên tắc của chu trình trải nghiệm Kolb. Có những bước tìm tòi khám phá (tiếp cận kinh nghiệm thực tế hoặc từ kinh nghiệm đã có, quan sát, suy nghĩ,…), rồi tập luyện (để nắm được kĩ năng, nhận thức), thực hành kĩ hơn qua sắm vai và vận dụng vào cuộc sống.

Cấu trúc kết hợp với các mảng hoạt động: Chủ đề bắt đầu với các yêu cầu cần đạt để định hướng. Mỗi chủ đề được phân chia thành 4 tuần; riêng chủ đề 8 gồm 7 tuần. Mỗi tuần có ba loại hình sinh hoạt được sắp xếp như sau: SHDC, SHCĐ và SHL. Trình tự trên để thể hiện một cách hình thức nhịp sinh hoạt quen thuộc hằng tuần của HS/GV: đầu tuần có giờ chào cờ, cuối tuần có tiết sinh hoạt lớp. Tất nhiên, thứ tự ba phần trên hoàn toàn có thể được sắp xếp theo cách khác.

SHCĐ có vai trò quan trọng – như nguồn cung cấp chất liệu cho các sinh hoạt khác. Các hoạt động chủ điểm tháng, hoạt động giáo dục địa phương cũng được quan tâm và tích hợp trong ba loại hình sinh hoạt trên nếu tương thích với chủ đề.

Sách HĐTN 1 xây dựng chủ đề theo cách tích hợp, nghĩa là trong một chủ đề, bên cạnh yêu cầu cần đạt chính (của một mạch nội dung) còn có thể có tích hợp một vài yêu cầu cần đạt "phụ" (của một mạch nội dung khác). Chủ đề theo kiểu tích hợp như thế phong phú và tự nhiên hơn, thể hiện được tính giao thoa vốn có của cuộc sống. (Phần tích hợp sẽ được thể hiện ở phần mục tiêu của sách này).

2.3. Mô hình tổ chức hoạt động trải nghiệm – Mô hình 5E

Mô hình 5E đã được phát triển bởi nhóm BSCS (Biologycal Sciences Curriculum Study) vào những năm cuối thập niên 1980 (BSCS, 2006) trong khoa học tự nhiên. Chu trình học tập này đã dần được mở rộng vận dụng cả trong lĩnh vực khoa học xã hội, cho các cấp học khác nhau và đã chứng tỏ hiệu quả. Mô hình này được đặt nền trên thuyết kiến tạo của Piaget và Vygotsky, theo đó người học kiến tạo kiến thức và ý nghĩa từ những trải nghiệm. Do đó, 5E rất tương thích với cách tiếp cận "người học là trung tâm" và học qua trải nghiệm.

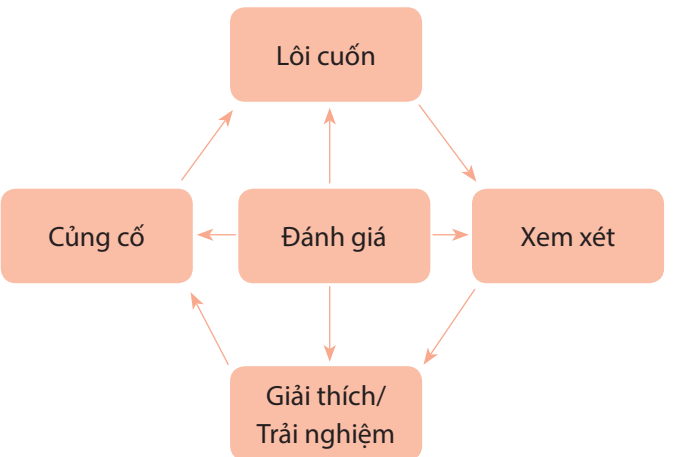

Sơ đồ mô hình 5E

Chu trình học tập 5E gồm năm pha:

– **Lôi cuốn** (Engage): tạo sự quan tâm và tham gia của HS; nêu mục tiêu; xem xét sự hiểu biết đã có sẵn của HS liên quan đến nội dung cần quan tâm; tạo sự kết nối và dẫn vào nội dung chính.

– **Khám phá** (Explore): khám phá qua những kinh nghiệm cụ thể, quan sát, đặt câu hỏi, kiểm tra; thảo luận; thu thập thông tin.

– **Giải thích/Trải nghiệm** (Explain): tìm kiếm câu trả lời cho điều đã quan sát, trải nghiệm; tìm cách hiểu, giải thích hiện tượng, khái niệm (nếu có); thông qua thực hành, luyện tập để đạt được mức độ cơ bản trong nhận thức, kĩ năng, hành vi.

– **Mở rộng** (Extent): thử nghiệm, vận dụng vào thực tế; tìm hiểu sâu hơn, tiếp cận vấn đề mở rộng hơn.

– **Đánh giá** (Evaluate): gồm đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc. Thực tế, việc đánh giá không chỉ nằm ở cuối mà xuất hiện cả trong bốn pha đầu.

Dựa vào mô hình 5E ở trên, SHCĐ hàng tuần được tổ chức thành năm bước như sau:

1) **Khởi động**: giúp HS hứng khởi, vui tươi, kết nối và dẫn dắt vào bài học mới;

2) **Khám phá**: giúp HS quan sát, tìm hiểu, nhìn lại (điều đã trải nghiệm, đã làm, đã biết),… để phát hiện và trải nghiệm điều mới.

3) **Luyện tập**: HS tập làm và hiểu rõ hơn điều vừa khám phá, đồng thời chuẩn bị để làm tốt hơn phần Mở rộng;

4) **Mở rộng**: giúp HS thực hành nhiều hơn và vận dụng điều mới vào cuộc sống;

5) **Đánh giá**: HS nhìn lại và đánh giá quá trình trải nghiệm của mình. Bạn bè, thầy cô, PH cũng có thể tham gia đánh giá để giúp em trở nên tốt hơn. Đánh giá đồng đẳng được đặt cuối chủ đề. Việc đánh giá có ý nghĩa rất lớn với HS, giúp em có khả năng nhìn lại mình, nghĩ về điều mình nghĩ, việc mình làm.

SHCĐ (hằng tuần) được trình bày cho một tiết và đi theo đúng năm bước của mô hình 5E. Điều này tạo thuận lợi cho GV: Nội dung của SHCĐ với năm bước như thế chính là một khung giáo án cơ bản cho từng tiết học.

2.4. Tổ chức hoạt động trải nghiệm theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất

Giáo dục Việt Nam đang phát triển theo định hướng năng lực và phẩm chất. Như trong các hoạt động giáo dục khác, HĐTN cũng nhằm giúp phẩm chất và năng lực của HS được phát triển. Có thể phân chia năng lực thành hai loại (Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015)):

i) Năng lực chung: năng lực cơ bản, cần thiết cho nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau (về trí tuệ có trí nhớ, quan sát, tư duy,…), là điều kiện cần để giúp cho những lĩnh vực hoạt động đó.

ii) Năng lực đặc thù, chuyên biệt, còn gọi là năng lực chuyên môn: năng lực toán, văn học, âm nhạc, hội hoạ, thể thao, ngôn ngữ,…

Đã có nhiều nghiên cứu mới và rất ý nghĩa về năng lực chỉ ra rằng, dạy học theo định hướng phát triển năng lực không chỉ là những phương pháp, kĩ thuật giảng dạy hoặc thiết kế giáo án hay bảng đánh giá,… mà rất cần để ý đến quan điểm và thái độ của người GV đối với HS.

Thật vậy, những nghiên cứu về *nếp nghĩ phát triển* (growth mindset) của nhóm GS. Dweck, Đại học Stanford, cho thấy những tác động của kiểu tư duy về năng lực cơ bản ảnh hưởng đến sự thành công, đến chính năng lực. Quan điểm và cách ứng xử của GV trong giảng dạy tác động mạnh đến kiểu tư duy, đến sự phát triển năng lực cơ bản của HS (Dweck, 2018).

Bởi thế, nếu thực sự quan tâm đến phát triển phẩm chất và năng lực trong giáo dục thì người GV cần phải quan tâm xem xét các nghiên cứu này và vận dụng vào các hoạt động giáo dục. Phụ lục *Nếp nghĩ phát triển* sẽ giới thiệu về nếp nghĩ phát triển và nếp nghĩ cố định, cách vận dụng các quan điểm này trong cái nhìn, lối ứng xử của người GV đối với HS.

2.5. Đánh giá trong hoạt động trải nghiệm

a. Các yêu cầu cơ bản của đánh giá hoạt động trải nghiệm

Theo Chương trình giáo dục HĐTN được chính thức ban hành vào tháng 12/2018, đánh giá kết quả giáo dục trong HĐTN và HĐTN, hướng nghiệp phải bảo đảm các yêu cầu sau:

1) Mục đích đánh giá là thu thập thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt so với chương trình; sự tiến bộ của HS trong và sau các giai đoạn trải nghiệm.

2) Nội dung đánh giá là các biểu hiện của phẩm chất và năng lực HS theo quy định trong chương trình, thông qua các hoạt động cụ thể: hoạt động theo chủ đề, hoạt động hướng nghiệp; quá trình tham gia hoạt động tập thể; sản phẩm của HS trong mỗi hoạt động; SHDC; SHL.

3) Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá của HS, đánh giá đồng đẳng của HS trong lớp, đánh giá của PHHS, đánh giá của cộng đồng.

4) Cứ liệu đánh giá dựa trên thông tin thu thập được từ quan sát của GV, tự đánh giá của HS, đánh giá đồng đẳng của các HS trong lớp, ý kiến nhận xét của PHHS và cộng đồng.

5) Kết quả đánh giá đối với mỗi HS là kết quả tổng hợp đánh giá thường xuyên và định kì về phẩm chất, năng lực. Việc đánh giá có thể phân ra làm một số mức để xếp loại. Kết quả đánh giá HĐTN và HĐTN, hướng nghiệp được ghi vào hồ sơ học tập của HS (tương đương một môn học).

Các yêu cầu cơ bản chi tiết hơn của Chương trình giáo dục phổ thông dành cho HĐTN được trình bày lại trong phụ lục 3 *Đánh giá trong Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp* để GV có thể tìm hiểu kĩ hơn.

b. Một số đặc trưng quan trọng của đánh giá

– Đánh giá là một phần không thể thiếu của quá trình dạy học, và đánh giá, nói cho cùng, chính là vì sự phát triển của HS. Đánh giá để HS phát triển, tiến bộ nghĩa là việc đánh giá cần phải cho HS những thông tin phản hồi giúp HS nhận biết mình tiến bộ đến đâu, những năng lực nào đã có sự tiến bộ/chưa tiến bộ, năng lực nào còn yếu cần điều chỉnh, rèn luyện thêm.

– Khi mục đích đánh giá là vì sự phát triển của HS thì việc đánh giá cần phải làm sao để không làm tổn thương và gây sợ hãi cho HS mà nhằm khích lệ, thúc đẩy HS nỗ lực vươn lên. Lúc này, kiểu suy nghĩ phát triển sẽ giúp GV rất tích cực trong đánh giá.

– Việc đánh giá cần phải diễn ra trong suốt quá trình dạy học, giúp HS so sánh (với chính mình) và nhận ra bản thân thay đổi ra sao. Cần chú ý rằng, không chỉ GV biết cách đánh giá HS, mà quan trọng không kém là HS cần phải được biết cách đánh giá của GV,

biết tự đánh giá chính mình và biết đánh giá lẫn nhau. Qua đó, HS có khả năng tự nhìn lại mình để rèn luyện tốt hơn. Cách đánh giá như thế sẽ thực sự giúp HS hình thành năng lực.

– Việc đánh giá không chỉ giúp định hướng, điều chỉnh hoạt động học của HS. Đánh giá còn giúp chính GV có những thông tin thực tế để nhận ra thực trạng và điều chỉnh hoạt động dạy, nhìn lại và nhận ra những điểm mạnh/yếu của mình, tự hoàn thiện để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động dạy học.

c. Một số cách đánh giá cơ bản trong hoạt động trải nghiệm lớp 1

– Đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc (đánh giá kết quả):

Để thấy được sự tiến bộ của HS trong và sau các giai đoạn trải nghiệm, cần có cả hai cách thức đánh giá: đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc. Chúng cần được thực hiện trong mỗi loại hình HĐTN (SHDC, SHCĐ, SHL).

+ Đánh giá quá trình được sử dụng xuyên suốt chủ đề, học kì, năm học.

Trong đánh giá quá trình, HS/GV cho thông tin phản hồi về hoạt động học của HS. Qua đó, GV nhận ra tình trạng thực tế để điều chỉnh hoạt động dạy. Về phía HS, HS cũng có được các thông tin về hoạt động học của chính mình và cố gắng thay đổi tốt hơn.

Để đánh giá quá trình ý nghĩa hơn, tài liệu này chọn cách tự đánh giá để HS được tự đánh giá bản thân. Khi đó, HS sẽ có ý thức hơn về trách nhiệm bản thân, nhận ra và tập làm quen với việc giữ vai trò "chủ thể" trong quá trình phát triển bản thân.

+ Đánh giá kết thúc được dùng khi kết thúc một chủ đề, học kì, năm học để giúp HS biết được khả năng học tập của mình. Trong tài liệu này, đánh giá kết thúc không sử dụng hình thức cho điểm mà chủ yếu dùng cách đánh giá theo tiêu chí: xác định mức độ biểu hiện (ví dụ: tốt, đạt, cần cố gắng; luôn luôn, thỉnh thoảng, ít khi,…) theo những tiêu chí đã được định rõ (ví dụ: dọn dẹp ngăn nắp sau khi làm; giúp đỡ bạn;…). Các tiêu chí trong các đánh giá này cần bám sát các yêu cầu cần đạt của chương trình khung, thể hiện qua các mục tiêu cụ thể về năng lực và phẩm chất của mỗi loại hình HĐTN. Việc đánh giá kết thúc có thể được thực hiện bởi cá nhân HS và GV.

Việc đánh giá quá trình, đánh giá kết thúc cũng có thể được thực hiện bởi PH, cộng đồng. Trong các HĐTN theo chủ đề của *Phần hai* đều có những bảng đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc được giới thiệu theo hình thức tự đánh giá.

GV có thể sử dụng đánh giá quá trình (theo kiểu tự đánh giá) của HS để tạo ra bảng đánh giá quá trình của GV; có thể thêm những tiêu chí liên quan đến mức độ tham dự (tham dự nhiều/ít,…), mức độ tích cực (giơ tay phát biểu, chăm chú nghe giảng,…).

Có thể tách đánh giá chủ đề thành đánh giá theo tuần để HS lớp 1 dễ dàng thực hiện hơn vì các em chưa thể nhìn lại một chuỗi dài các sự việc. GV có thể tổng kết các đánh giá theo tuần để có được đánh giá kết thúc chủ đề. Sau đây là một ví dụ cho đánh giá kết thúc cuối tuần 1 của chủ đề *Em và những người bạn* do HS tự đánh giá theo các tiêu chí khác nhau:

Nội dung	Tốt	Đạt	Cần cố gắng
Em mô tả được hình dáng bên ngoài của em và của bạn.			
Em thể hiện được sự tôn trọng bản thân và bạn bè.			

GV cũng có thể sử dụng bảng đánh giá này để đánh giá HS.

– Tự đánh giá:

HS suy nghĩ và tự đưa ra quyết định về mức độ biểu hiện cho những tiêu chí cụ thể để đánh giá về công việc và sự tiến bộ của bản thân. Tự đánh giá có vai trò quan trọng trong các hoạt động giáo dục nói chung và HĐTN nói riêng. Tự đánh giá giúp HS phát triển khả năng nhìn lại mình, "siêu nhận thức" (nghĩ về điều mình nghĩ, mình làm), nhận ra điểm mạnh/yếu,…; năng lực tổ chức; khả năng học tập suốt đời. Tự đánh giá, nếu được hướng dẫn và thực hiện một cách đúng đắn sẽ giúp HS phát huy, thực hành phẩm chất trung thực, trách nhiệm. Về nguyên tắc, trong tự đánh giá, HS xem xét, ngẫm nghĩ để lựa chọn (đánh dấu chọn) tiêu chí, cũng có thể đưa thêm tiêu chí khác.

Ví dụ: Em hãy theo dõi và đánh giá bốn việc em giúp gia đình trong một tuần:

Bốn việc em muốn làm giúp bố mẹ	Tốt	Đạt	Cần cố gắng
Rót nước cho bố mẹ khi bố mẹ đi làm về.			
…			
…			
…			

Đôi khi kiểu tự đánh giá dành cho HS lớp 1 có thể khá giống kiểu tự chấm điểm (cho điểm trên những tiêu chí do người khác đã quy định), nhất là trong giai đoạn HS chưa thể viết câu chữ.

Khi tự đánh giá, HS có thể đánh giá chưa chính xác. GV là người điều tiết và có thể không đồng ý nếu HS không đưa ra được những minh chứng cho việc đánh giá của mình. Để giúp HS đánh giá đúng thực chất, ngoài việc hướng dẫn để giúp em làm đúng, GV cần đón nhận và cũng giúp em đón nhận sai sót, sai lầm, thất bại. Giúp em nhìn sai sót như cơ hội quý giá để làm tốt hơn cho lần sau. Nếp nghĩ phát triển rất cần được vận dụng trong những tình huống như thế này để HS có được sự đánh giá chính xác và nhận ra được ý nghĩa của việc đánh giá.

– Đánh giá đồng đẳng:

Đánh giá đồng đẳng là loại đánh giá trong đó HS tham gia vào việc đánh giá sự thể hiện năng lực, phẩm chất của bạn học trong nhóm, lớp. HS cần biết rõ nội dung em sẽ đánh giá bạn. Đánh giá đồng đẳng thường được kết hợp với tự đánh giá để điều tiết việc tự đánh giá. Cũng như tự đánh giá, nếu HS được chuẩn bị và được hướng dẫn kĩ lưỡng, cùng với sự khích lệ và tôn trọng từ GV, đánh giá đồng đẳng cũng giúp HS phát triển những năng lực tư duy, các phẩm chất trung thực, tôn trọng, trách nhiệm,…

Việc đánh giá đồng đẳng hoàn toàn có thể được áp dụng dựa theo mẫu của tự đánh giá. Đánh giá đồng đẳng thường được sử dụng khi làm việc nhóm hoặc những hoạt động có liên quan đến hoạt động nhóm (như những lúc thuyết trình, giới thiệu trong nhóm, lớp).

HĐTN cần quan tâm hoạt động nhóm vì kĩ năng làm việc nhóm được xem là kĩ năng rất quan trọng trong học tập và cuộc sống (nhất là cuộc sống cộng đồng cũng như nghề nghiệp sau này) của HS.

Hoạt động nhóm là cơ hội rất quý giá cho HS trong việc thực hành những năng lực, phẩm chất. Sau các hoạt động nhóm thường có đánh giá dựa theo những tiêu chí cơ bản được trình bày trong phụ lục *Làm việc nhóm hiệu quả.* Bảng tiêu chí này hoàn toàn thích hợp cho đánh giá đồng đẳng khi làm việc nhóm. Nếu cần quan tâm đến sản phẩm, công việc cụ thể của nhóm, GV có thể thêm một vài tiêu chí dựa trên mục tiêu mà GV và HS đã đề ra cho hoạt động nhóm.

– Ngoài đánh giá của GV và HS, HĐTN còn cần có đánh giá của PH, của cộng đồng (khi HS tham gia các hoạt động có tính cộng đồng). PH có thể sử dụng các bảng đánh giá của HS khi em đề ra những hoạt động mà PH quan sát được (những việc em cần làm hoặc có thể làm ở nhà,…). Khi cần, có thể thêm cột đánh giá của PH, cộng đồng trong những bảng đánh giá như thế (bên cạnh đánh giá của HS). Ngoài ra, PH cũng có thể có khung đánh giá riêng nhằm: i) đánh giá HS (và qua đó khích lệ nỗ lực của HS); ii) thông tin cho GV một cách chi tiết hơn về quá trình rèn luyện của HS tại gia đình,…

– Bảng tiêu chí đánh giá (rubric) [Brookhart, 2013]

Bảng tiêu chí đánh giá không phải là cách đánh giá nhưng là một công cụ quan trọng cho đánh giá theo năng lực, trong đó có các đánh giá cơ bản đã trình bày ở trên. Bảng này cần mô tả đầy đủ các tiêu chí HS cần đạt, nội dung gồm các hạng mục liên quan đến mục tiêu học tập, các thang đo (còn gọi là mức độ biểu hiện) cho mỗi tiêu chí và thông tin mô tả (mức độ).

+ Tiêu chí: Một tiêu chí tốt cần: i) được phát biểu rõ ràng; ii) ngắn gọn; iii) có thể quan sát được; iv) mô tả hành vi; v) HS có thể hiểu được. Mỗi tiêu chí cần riêng biệt, đặc trưng cho nội dung cần đánh giá.

+ Mức độ biểu hiện (thang đo): Thang đo theo số chẵn, ví dụ bốn mức hoặc sáu mức, để phân biệt HS *đạt* hoặc *không đạt*. Thang đo theo số lẻ khi muốn có năng lực trung

bình trong đánh giá. Trong tài liệu này, thang đo được dùng là thang đo rất phổ biến trong trường lớp hiện nay khi mô hình lớp nhỏ ngày càng phổ biến: tốt, đạt, cần cố gắng. Đôi khi còn sử dụng loại thang đo: ít khi, thỉnh thoảng, thường xuyên. GV có thể (cùng HS) đặt tên cho các mức độ nhưng cần mô tả rõ ràng.

+ Thông tin mô tả mức độ: Đây là phần quan trọng của bảng tiêu chí bởi nó cho HS biết rõ "đạt" nghĩa là thực hiện được những gì trong tiêu chí đã cho, "tốt" nghĩa là thực hiện được những điều nào,… Nó cũng có thể dùng để mô tả thêm về tiêu chí. Về nguyên tắc, thiếu thông tin mô tả thì bảng tiêu chí đánh giá trở thành kiểu thang điểm thông thường. Tuy nhiên, HS lớp 1 đang còn làm quen mặt chữ và chưa đọc tốt nên những bảng tiêu chí đầy đủ (có thông tin mô tả) thường không thích hợp cho HS. Có thể cần thông tin mô tả cho GV sử dụng để giải thích cho HS khi cần. Nếu tiêu chí cụ thể, đơn giản và dùng loại thang đo phổ biến (GV đọc và nhận rõ được mức độ cần nói) thì tạm chấp nhận mức độ biểu hiện cũng chính là thông tin mô tả.

Ví dụ: bảng tiêu chí làm việc nhóm hiệu quả dành cho HS lớp 1 gồm cột các tiêu chí và ba mức độ biểu hiện (ít khi, thỉnh thoảng, luôn luôn hoặc thường xuyên) được dùng như bảng đánh giá:

Nội dung đánh giá	Luôn luôn	Thỉnh thoảng	Ít khi
Giúp đỡ bạn trong nhóm.			
Lắng nghe ý kiến của các bạn trong nhóm.			
Chia sẻ ý kiến với bạn trong nhóm.			
…			

3. Ma trận nội dung Hoạt động trải nghiệm lớp 1

Chủ đề/ Thời gian	Sinh hoạt dưới cờ	Sinh hoạt chủ đề	Sinh hoạt lớp	Hoạt động câu lạc bộ, dã ngoại
1. EM VÀ NHỮNG NGƯỜI BẠN (tháng thứ nhất của năm học)	– T1 (tuần 1): Giới thiệu HS lớp 1	– T1: Hình dáng bên ngoài của em và của bạn	– T1: Em làm việc nhóm	Khoảng tuần thứ 3 hoặc tuần thứ 4 có thể bắt đầu triển khai hoạt động CLB.
	– T2: Em thể hiện sự nghiêm trang khi chào cờ	– T2: Sở thích của em và của bạn	– T2: Tự giới thiệu sở thích của em	
	– T3: Cùng bạn vui Tết Trung thu	– T3: Bức chân dung đáng yêu của em	– T3: Cùng bạn xây dựng lớp học đáng yêu	
	– T4: Giới thiệu những HS chăm ngoan của khối lớp 1	– T4: Tự giới thiệu về em	– T4: Cùng làm sơ đồ lớp học	

2. MỘT NGÀY CỦA EM	– T1: Hoạt cảnh *Một ngày của em*	– T1: Những việc em thường làm ở nhà	– T1: Trang trí bảng công việc thường ngày của em	Giới thiệu, tuyên dương dưới cờ các hoạt động và thành quả của CLB.
	– T2: Giới thiệu hoạt động ở trường	– T2: Mỗi ngày ở trường của em	– T2: Trang trí thời khoá biểu	
	– T3: Trò chơi *An toàn – Nguy hiểm*	– T3: An toàn mỗi ngày	– T3: Làm nhãn an toàn	
	– T4: Thi đội mũ bảo hiểm đúng và nhanh	– T4: Để mỗi ngày là một ngày vui	– T4: Cùng chơi trò chơi tập thể	
3. TRƯỜNG LỚP THÂN YÊU	– T1: Tình bạn của chúng em	– T1: Những người bạn đáng yêu	– T1: Lớp chúng mình	
	– T2: Lớp 1 của em	– T2: Lớp học thân thiện	– T2: Trang trí lớp học thân yêu	
	– T3: Giới thiệu các câu lạc bộ của trường em	– T3: Mái trường em yêu	– T3: Trái tim biết ơn	
	– T4: Em bày tỏ lòng biết ơn thầy, cô giáo	– T4: Yêu mến thầy, cô giáo	– T4: Tập văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11	
4. EM TỰ CHĂM SÓC VÀ PHỤC VỤ BẢN THÂN	– T1: Thi đội hình đội ngũ	– T1: Tìm hiểu việc tự chăm sóc và phục vụ bản thân	– T1: Thực hành tự chăm sóc và phục vụ	Có thể tổ chức hoạt động dã ngoại (ngoài nhà trường). Kết nối CLB và SHDC.
	– T2: Thể thao, rèn luyện sức khoẻ	– T2: Em tự chọn trang phục và đồ dùng	– T2: Sắm vai xử lí tình huống	
	– T3: Kỉ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam	– T3: Em giữ gìn sức khoẻ	– T3: Bảo vệ thân thể khi chơi đùa	
	– T4: Em có thể tự làm	– T4: Thực hành tự chăm sóc bản thân	– T4: Trò chơi: *Chuẩn bị bữa ăn*	
5. GIA ĐÌNH YÊU THƯƠNG	– T1: Câu chuyện gia đình	– T1: Người thân trong gia đình	– T1: Hoạt cảnh về tình yêu thương gia đình	
	– T2: Tết yêu thương, Tết chia sẻ	– T2: Biết ơn người thân	– T2: Món quà mừng xuân	
	– T3: Lời chúc đầu xuân	– T3: Món quà yêu thương	– T3: Khúc ca chào xuân	
	– T4: Văn nghệ chúc mừng năm mới	– T4: Gia đình vui vẻ	– T4: Chào đón mùa xuân	
6. CẢM XÚC CỦA EM	– T1: Giới thiệu các cảm xúc	– T1: Nhận biết cảm xúc	– T1: Quan sát cảm xúc	Giới thiệu, tuyên dương dưới cờ các hoạt động và thành quả của CLB
	– T2: Diễn tả cảm xúc	– T2: Thể hiện cảm xúc khác nhau	– T2: Thể hiện cảm xúc	
	– T3: Hoạt cảnh thể hiện cảm xúc	– T3: Thể hiện cảm xúc theo cách tích cực	– T3: Tập hít thở sâu để làm chủ cảm xúc	
	– T4: Hoạt cảnh *Thể hiện cảm xúc theo cách tích cực*	– T4: Em chọn thể hiện cảm xúc theo cách tích cực	– T4: Khi bạn của em có cảm xúc không tốt	

7. EM VÀ NHỮNG NGƯỜI XUNG QUANH	– T1: Giao lưu: *Cách bảo vệ an toàn cho bản thân*	– T1: Bảo vệ bản thân yêu quý của em	– T1: Điều em muốn nói	
	– T2: Văn nghệ chúc mừng những người phụ nữ quanh em	– T2: Những người sống quanh em	– T2: Ứng xử lịch sự và thân thiện	
	– T3: Lời chào bốn phương	– T3: Lịch sự khi chào hỏi	– T3: Đi hỏi về chào	
	– T4: Hoạt cảnh *Khi em gặp người quen*	– T4: Văn minh nơi công cộng	– T4: Ứng xử nơi công cộng	
8. QUÊ HƯƠNG CỦA EM	– T1: Lễ phát động cuộc thi: *Quê hương và môi trường*	– T1: Quê hương tươi đẹp	– T1: Sinh hoạt dã ngoại	Có thể tổ chức hoạt động dã ngoại để tìm hiểu về quê hương..
	– T2: Giới thiệu quê hương em	– T2: Những việc cần làm cho quê hương	– T2: "Xin giữ gìn quê hương sạch, đẹp!"	
	– T3: Rung chuông vàng: *Bảo vệ môi trường*	– T3: Tuyên truyền bảo vệ môi trường	– T3: Trưng bày hình ảnh bảo vệ môi trường	
	– T4&5: Tuyên truyền bảo vệ môi trường	– T4&5: Giúp quê hương xanh, sạch, đẹp hơn	– T4&5: Người lao động gương mẫu	
	– T6: Noi gương Bác Hồ: Gắn bó với thiên nhiên	– T6: Vẽ bức tranh quê hương	– T6: Trưng bày bức tranh quê hương em	
	– T7: Cây xanh quê em	– T7: Làm cho quê hương thêm xanh	– T7: Cây xanh của em	

– Các hoạt động trong mỗi chủ đề được đề nghị tiến hành trong bốn tuần, mỗi tuần ba tiết bao gồm cả SHDC, SHCĐ và SHL. Tuy nhiên, tuỳ vào tình hình thực tế, nhà trường và GV có thể linh động về kế hoạch, hình thức tổ chức, cách thức tiến hành và thời gian thực hiện.

– GV có thể phối hợp sử dụng Vở bài tập để tổ chức các hoạt động. Vở bài tập được thiết kế các hoạt động tương đương, nâng cao, tăng tính mở đối với HS. Hơn nữa, với Vở bài tập, HS có thể viết, vẽ, dán hình, tô màu, giúp HS thuận lợi hơn khi thực hiện các yêu cầu nhằm đảm bảo mục tiêu hoạt động.